

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số: 1550/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BT, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1466/2022 /TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Ông **Lê Trung C**, sinh năm 1981;
Cư trú: 112/4 LQĐ, P. X, Q. BT, TP. H.

Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1983;
Cư trú: 42 DH, P. Y, Q. BT, TP. H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/7/2022, thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyền số 1, ngày 10/8/2006 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận BT, Thành phố H cấp cho ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Ngọc H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau, nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông C và bà H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản sao Giấy khai sinh số 156, quyền số 1, ngày 09/9/2008 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận BT, Thành phố H cấp cho Lê Anh T, sinh ngày 31/8/2008 (nam); Theo bản sao Giấy khai sinh số 225/2013, quyền số 02/2013, ngày 25/12/2013 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận BT, Thành phố H cấp cho Lê Anh M, sinh ngày 14/12/2013 (nam) đều thể hiện mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc H và cha là ông Lê Trung C.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 1, ngày 10/8/2006 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận BT, Thành phố H cấp cho ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Ngọc H hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 31/8/2008; Lê Anh M, sinh ngày 14/12/2013. Ông C và bà H thoả thuận giao cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lê Anh T, Lê Anh M. Ông C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 8/2022 cho đến khi con trưởng thành.

Ông Lê Trung C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Anh T, Lê Anh M. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Ngọc H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0050169 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo

